

Số: 26/QĐ-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 14 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi
ngân sách địa phương đến hết quý III năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHI LĂNG BẮC

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán
ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
UBND huyện Thanh Miện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội,
dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân xã khóa XXII kỳ họp
thứ 02 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc phê duyệt dự toán ngân sách xã năm
2022;

Theo đề nghị của Tài chính - kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa
phương đến hết quý III năm 2022 của UBND xã Chi Lăng Bắc (theo biểu đính
kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND xã, Tài chính - kế toán xã, các đơn vị và
các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 03;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng công khai);
- Lưu: VP, TCKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Minh Đức

Số: 26/QĐ-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 14 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi
ngân sách địa phương đến hết quý III năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHI LĂNG BẮC

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước*

*Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán
ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
UBND huyện Thanh Miện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội,
dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân xã khóa XXII kỳ họp
thứ 02 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc phê duyệt dự toán ngân sách xã năm
2022;*

Theo đề nghị của Tài chính - kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa
phương đến hết quý III năm 2022 của UBND xã Chi Lăng Bắc (theo biểu đính
kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND xã, Tài chính - kế toán xã, các đơn vị và
các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 03;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng công khai);
- Lưu: VP, TCKT.



Đoàn Minh Đức



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Thực hiện hết quý III năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	37.507.698.000	6.704.447.836	18
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	230.000.000	71.856.240	31
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	20.438.900.000	872.595.616	4
3	Thu bổ sung	16.838.798.000	5.259.205.000	31
	- Bổ sung cân đối	15.090.477.000	2.415.000.000	16
	- Bổ sung có mục tiêu	1.748.321.000	2.844.205.000	163
4	Thu chuyển nguồn		500.790.980	
II	Tổng số chi	7.107.698.000	6.087.686.305	86
1	Chi đầu tư phát triển	2.100.000.000	1.940.000.000	92
2	Chi thường xuyên	5.007.698.000	4.147.686.305	83
3	Dự phòng			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		THỰC HIỆN HẾT QUÝ 3 NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	8.226.298.000	5.807.698.000	6.998.689.443	6.704.447.836	85	115
I	Các khoản thu 100%	230.000.000	230.000.000	71.856.240	71.856.240	31	31
1	Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	46.687.000	46.687.000	78	78
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.000.000	100.000.000			0	0
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định	30.000.000	30.000.000	25.000.000	25.000.000	83	83
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000	169.240	169.240	0	0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.357.500.000	938.900.000	1.166.837.223	872.595.616	35	93
1	Các khoản thu phân chia	64.500.000	64.500.000	71.098.888	71.098.888	110	110
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	17.812.440	17.812.440	445	445
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.500.000	5.500.000	5.100.000	5.100.000	93	93
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	55.000.000	55.000.000	48.186.448	48.186.448	88	88
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.293.000.000	874.400.000	1.095.738.335	801.496.728	33	92
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.200.000.000	800.000.000	907.359.500	650.793.650	28	81
	Thu đầu giá quyền sử dụng đất	3.000.000.000	600.000.000	512.359.500	255.793.650		
	Thu tiền đất đối dư	200.000.000	200.000.000	395.000.000	395.000.000		
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	62.000.000	49.600.000	124.932.424	99.945.944	202	202
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	31.000.000	24.800.000	63.446.411	50.757.134	205	205
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022				THỰC HIỆN HẾT QUÝ III NĂM 2022				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN		
A	B		5	6		5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3		
	TỔNG CHI	5.807.698.000	800.000.000	5.007.698.000	6.087.686.305	1.940.000.000	4.147.686.305	105	242,5	83		
	Trong đó:	0			0							
1	Chi công tác quốc phòng	347.563.000		400.063.000	347.563.000		310.315.538	100		78		
2	Chi an ninh trật tự	90.445.000		90.445.000	52.902.900		52.902.900	58		58		
3	Chi sự nghiệp giáo dục	12.880.000		12.880.000	4.960.000		4.960.000	39		39		
4	Chi sự nghiệp y tế	18.415.000		18.415.000	152.830.873		152.830.873	830		830		
5	Chi sự nghiệp văn hóa xã hội	43.000.000		43.000.000	189.129.100		189.129.100	440		440		
6	Chi sự nghiệp đại truyền thanh	102.570.000		102.570.000	81.917.500		81.917.500	80		80		
7	Chi cho sự nghiệp TDTT	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100		100		
8	Chi Sự nghiệp môi trường	29.925.000		29.925.000	5.000.000		5.000.000	17		17		
9	Chi sự nghiệp nông lâm- thủy lợi	52.178.000		52.178.000	45.710.600		45.710.600	88		88		
10	Chi sự nghiệp giao thông	23.640.000		23.640.000	1.309.590.400	1.300.000.000	9.590.400	5.540		41		
11	Chi sự nghiệp thị chính	0			0							
12	Chi hoạt động thương mại	0			0							
13	Chi hoạt động quản lý nhà nước	3.198.310.000	800.000.000	2.398.310.000	2.606.664.221	640.000.000	1.966.664.221	82		82		
14	Chi hoạt động Đảng cộng sản VN	631.396.000		631.396.000	436.786.652		436.786.652	69		69		
15	Chi hoạt động các đoàn thể chính trị XH	786.235.000		786.235.000	539.055.021		539.055.021	69		69		
16	Hoạt động của các tổ chức khác	61.713.000		61.713.000	33.910.500		33.910.500	55		55		
17	Hoạt động phụ vụ người có công với CM				152.790.000		152.790.000					
18	Chi cho hưu xã	209.964.000		209.964.000	153.747.000		153.747.000	73		73		
19	Chi cho sự nghiệp xã hội	27.000.000		27.000.000	2.376.000		2.376.000	9		9		
20	Dự phòng	109.964.000		109.964.000	0							